

Unit 5 Vocabulary

Look and choose

1. Ngọn núi	->	13. Hang động	->
2. Chuyến dã ngoại	->	14. Vịnh	->
3. Vùng quê	->	15. Hòn đảo	->
4. Bãi biển	->	16. Ngày cuối tuần	->
5. Biển	->	17. Phỏng vấn	->
6. Người Anh	->	18. Kế tiếp	->
7. Ngày mai	->	19. Hoạt động	->
8. Lâu đài cát	->	20. Hải sản	->
9. Thăm quan	->	21. Xây dựng	->
10. Bơi	->	22. Cát	->
11. Công viên	->	23. Tắm nắng	->
12. Khám phá	->	24. Kì nghỉ	->